

THÔNG BÁO

**V/v đăng ký môn học tự chọn thuộc học kỳ I và II năm học 2025 - 2026
đối với các lớp Cao đẳng chính quy khóa học 2023-2026 và khóa học 2024-2027**

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Dược hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Hộ sinh hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Điều dưỡng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Kỹ thuật Phục hình răng hệ chính quy.

Nhà trường thông báo đến các Phòng, Khoa, Nhà giáo chủ nhiệm các lớp và sinh viên các lớp Cao đẳng chính quy khóa học 2023-2026, khóa học 2024-2027 về việc đăng ký môn học tự chọn thuộc học kỳ I và II năm học 2025-2026 như sau:

1. Hình thức đăng ký:

Sinh viên đăng ký môn học trực tiếp với Nhà giáo chủ nhiệm của lớp mình.

Lưu ý: Mẫu đăng ký môn học tự chọn sinh viên tải tại website của Nhà trường

<https://cyk.edu.vn/sinh-vien/bieu-mau-sinh-vien>

(Đính kèm danh mục các môn học tự chọn học kỳ I và II năm học 2025-2026)

2. Thời gian đăng ký:

Từ ngày **05/5/2025** đến **15 giờ 30 phút** ngày **09/5/2025**.

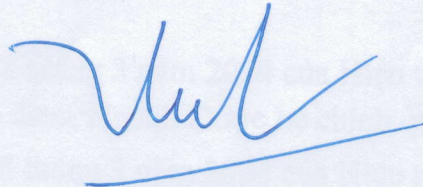
Đề nghị Lãnh đạo các Phòng, Khoa triển khai đến toàn thể Nhà giáo chủ nhiệm thuộc đơn vị mình phụ trách biết để thực hiện.

Nhà giáo chủ nhiệm các lớp triển khai cho sinh viên đăng ký môn học tự chọn theo thời gian quy định và tổng hợp danh sách sinh viên đăng ký môn tự chọn (theo mẫu) và gửi về phòng Đào tạo (Thông qua Ths.Trần Minh Sơn) và gửi file mềm trên E-Office trước 14 giờ 00 phút ngày 10/4/2025.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng, Khoa;
- Nhà giáo chủ nhiệm các lớp
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Thành

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2023-2026 VÀ KHÓA HỌC 2024-2027 THUỘC NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Đính kèm theo Thông báo số 277/TB-CĐYT ngày 05/5/2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

STT	Môn học	Số tín chỉ				Số giờ				Học kỳ	Ghi chú	
		Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS			
I. CÁC LỚP CAO ĐẲNG NĂM THỨ 3 (KHÓA HỌC 2023 - 2026)												
1. Cao đẳng Điều dưỡng 18AB												
Sinh viên chọn 01 môn học tương đương 02 tín chỉ												
1	Sức khỏe - môi trường và vệ sinh	2	2	0	0	30	30	0	0	HK I		
2	Dịch tễ học	2	2	0	0	30	30	0	0			
3	Thực hành dựa vào bằng chứng	2	1	1	0	45	15	30	0			
Sinh viên chọn 01 nhóm môn học tương đương 05 tín chỉ												
Nhóm 1		5	3	1	1	120	45	30	45	HK II		
1	Chăm sóc người bệnh cao tuổi	3	2	0	1	75	30	0	45			
2	Y học cổ truyền	2	1	1	0	45	15	30	0			
Nhóm 2		5	2	1	2	150	30	30	90			
1	Chăm sóc người bệnh ung thư	3	1	1	1	90	15	30	45			
2	Phục hồi chức năng	2	1	0	1	60	15	0	45			
Nhóm 3		5	2	1	2	150	30	30	90			
1	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	3	2	1	0	60	30	30	0			
2	LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	2	0	0	2	90	0	0	90			
Nhóm 4		5	2	1	2	150	30	30	90			
1	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại	3	2	1	0	60	30	30	0			
2	LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại	2	0	0	2	90	0	0	90			
Nhóm 5		5	2	1	2	150	30	30	90			
1	Điều dưỡng phòng mổ	3	1	0	2	105	15	0	90			
2	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	2	1	1	0	45	15	30	0			
2. Cao đẳng Dược 13ABCDE												
Sinh viên chọn 03 môn học tương đương 06 tín chỉ												
1	Marketing dược	2	1	1	0	45	15	30	0	HK II		
2	Thực phẩm chức năng	2	1	1	0	45	15	30	0			
3	Quản trị kinh doanh dược	2	1	1	0	45	15	30	0			

STT	Môn học	Số tín chỉ				Số giờ				Học kỳ	Ghi chú
		Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS		
4	Dược mỹ phẩm	2	1	1	0	45	15	30	0		
5	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1	1	0	45	15	30	0		

3. Cao đẳng Kỹ thuật Phục hình răng 6

Sinh viên chọn 01 nhóm môn học tương đương 05 tín chỉ

Nhóm 1		5	2	3	0	120	30	90	0	HK II	
1	Mỹ thuật ứng dụng	2	1	1	0	45	15	30	0		
2	Kỹ thuật phục hình toàn sứ	3	1	2	0	75	15	60	0		
Nhóm 2		5	2	3	0	120	30	90	0		
1	Implant và kỹ thuật phục hình trên Implant	3	1	2	0	75	15	60	0		
2	Công nghệ CAD/CAM nha khoa	2	1	1	0	45	15	30	0		

4. Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng 6

Sinh viên chọn 01 nhóm môn học tương đương 05 tín chỉ

Nhóm 1		5	2	3	0	120	30	90	0	HK II	
1	Vật lý trị liệu một số bệnh phức tạp	3	1	2	0	75	15	60	0		
2	Massage điều trị	2	1	1	0	45	15	30	0		
Nhóm 2		5	3	1	1	120	45	30	45		
1	Y học cổ truyền và dưỡng sinh	2	1	1	0	45	15	30	0		
2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3	2	0	1	75	30	0	45		

5. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh y học 15

Sinh viên chọn 01 môn học tương đương 02 tín chỉ

1	Giải phẫu bệnh	2	1	1	0	45	15	30	0	HK I	
2	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	2	0	0	30	30	0	0		
3	Sức khỏe, môi trường và vệ sinh	2	2	0	0	30	30	0	0		
4	Dịch tễ học	2	2	0	0	30	30	0	0		
5	Bệnh học chuyên khoa	2	2	0	0	30	30	0	0		

Sinh viên chọn 01 nhóm môn học tương đương 05 tín chỉ

Nhóm 1		5	2	0	3	165	30	0	135	HK II	
1	Kỹ thuật cắt lớp vi tính trong các chuyên khoa	3	1	0	2	105	15	0	90		
2	Kỹ thuật siêu âm trong các chuyên khoa	2	1	0	1	60	15	0	45		
Nhóm 2		5	2	0	3	165	30	0	135		
1	Kỹ thuật X-quang trong các chuyên khoa	3	1	0	2	105	15	0	90		
2	Bảo trì máy	2	1	0	1	60	15	0	45		

STT	Môn học	Số tín chỉ				Số giờ				Học kỳ	Ghi chú
		Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS		
6. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm y học 15											
Sinh viên chọn 01 nhóm môn học tương đương 05 tín chỉ											
Nhóm 1		5	3	2	0	105	45	60	0	HK II	
1	Độc chất học lâm sàng	2	1	1	0	45	15	30	0		
2	Hóa sinh 4	3	2	1	0	60	30	30	0		
Nhóm 2		5	3	2	0	105	45	60	0		
1	Vi sinh 4	3	2	1	0	60	30	30	0		
2	Ký sinh trùng 4	2	1	1	0	45	15	30	0		
7. Cao đẳng Hộ sinh 11											
Sinh viên chọn 01 môn tương đương 02 tín chỉ											
1	Sức khỏe môi trường và vệ sinh	2	2	0	0	30	30	0	0	HK I	
2	Dịch tễ học	2	2	0	0	30	30	0	0		
Sinh viên chọn 02 môn học tương đương 04 tín chỉ											
1	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	2	0	0	30	30	0	0	HK II	
2	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi mãn kinh	2	1	0	1	60	15	0	45		
3	Chăm sóc sơ sinh nâng cao và trẻ dưới 5 tuổi	2	1	1	0	45	15	30	0		
4	Phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản	2	1	0	1	60	15	0	45		
II. CÁC LỚP CAO ĐẲNG NĂM THỨ 2 (KHÓA HỌC 2024 - 2027)											
1. Cao đẳng Dược 14ABCDE											
Sinh viên chọn 01 môn tương đương 02 tín chỉ											
1	Dịch tễ học	2	2	0	0	30	30	0	0	HK II	
2	Sức khỏe - môi trường và vệ sinh	2	2	0	0	30	30	0	0		
3	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	2	0	0	30	30	0	0		
2. Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng 7											
Tự chọn 2: Sinh viên chọn 01 môn tương đương 02 tín chỉ											
1	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	2	0	0	30	30	0	0	HK II	
2	Sức khỏe - môi trường và vệ sinh	2	2	0	0	30	30	0	0		
3	Dịch tễ học	2	2	0	0	30	30	0	0		